



SỰ KIỆN

CHIẾN LƯỢC - QUY HOẠCH

DỰ BÁO KINH TẾ

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

DOANH NGHIỆP

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

DIỄN ĐÀN KHOA HỌC

QUỐC TẾ

THÔNG TIN TÀI CHÍNH

TRANG CHỦ / DIỄN ĐÀN KHOA HỌC /

Giải pháp vượt rào cản phi thuế quan để thúc đẩy xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam

🕒 16:00 | 21/02/2025 | **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

Thích 0

Chia sẻ



EFR Bài viết khái quát tình hình XKNS và phân tích tác động của các rào cản phi thuế quan đến XKNS của Việt Nam.

TS. Nguyễn Thị Thu Hiền - Trường Đại học Thương mại

ThS. Vũ Ngọc Tú - Trường Đại học Thương mại

KS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Tóm tắt

Xuất khẩu (XK) nông sản (XKNS) đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, hàng nông sản vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và mở rộng thị trường quốc tế. Bài viết khái quát tình hình XKNS và phân tích tác động của các rào cản phi thuế quan đến XKNS của Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy, các quy định khác nhau về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn môi trường và yêu cầu chứng nhận kỹ thuật từ các thị trường quốc tế đặt ra áp lực lớn đối với hàng nông sản XK của Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm vượt qua những rào cản này, không chỉ giúp gia tăng giá trị XK, mà còn hướng tới phát triển bền vững ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

Từ khóa: xuất khẩu nông sản, rào cản phi thuế quan, thúc đẩy xuất khẩu

Summary

Agricultural exports play a crucial role in the Vietnamese economy. However, agricultural products are still facing many barriers affecting their ability to access and expand international markets. This article provides an overview of agricultural exports and analyzes the impact of non-tariff barriers on Vietnam's agricultural exports. The analysis results show that different regulations on food safety standards, environmental standards and technical certification requirements from international markets put great pressure on Vietnam's agricultural exports. On that basis, the article proposes several solutions to overcome these barriers, not only helping to increase export value, but also aiming at sustainable development of Vietnam's agricultural sector in the context of global economic integration.

Keywords: agricultural exports, non-tariff barriers, promoting exports

GIỚI THIỆU

Trong khi thuế quan được cắt giảm mạnh trong các Hiệp định thương mại tự do thì thương mại quốc tế hàng nông sản vẫn phải đối mặt với những trở ngại thương mại phi thuế quan (NTBs – Non Tax Barriers). Với sự xuất hiện của các mối quan tâm liên quan đến biến đổi khí hậu, sức khỏe con người... các nước nhập khẩu (NK) áp dụng tiêu chuẩn cao hơn đối với sản phẩm. Các biện pháp kỹ thuật này là cần thiết đối với nhiều sản phẩm nông nghiệp do tính chất nhạy cảm của các vấn đề như an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe động thực vật. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp các biện pháp này được sử dụng như là một công cụ để hạn chế NK và bảo hộ sản xuất trong nước. Các quốc gia khác nhau áp dụng các biện pháp khác nhau để đạt được mục đích của mình và chúng đều có những tác động đến thương mại quốc tế. Các rào cản này không chỉ tạo ra áp lực lớn đối với doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp. Việc nhận diện và phân tích những ảnh hưởng của các NTB sẽ giúp cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp tận dụng được các ưu điểm của việc cắt giảm thuế quan cũng như có biện pháp thích ứng phù hợp nhằm đưa hàng hóa nông sản của Việt Nam tiếp cận tốt hơn vào thị trường thế giới, đặc biệt là thị trường tại các nước phát triển.

MỚI NHẤT / ĐỌC NHIỀU



Thiên kiến đại diện trong chứng khoán qua góc nhìn thông tin[1]



Năng lực quản trị của các sản xuất tham gia phát triển OCOP ở tỉnh Quảng Ninh



Giải pháp giảm nghèo đa trên địa bàn TP. Sông Công Thái Nguyên



Thực hành ESG tại Việt Nam: hội và thách thức với các doanh nghiệp



Giải pháp thúc đẩy chuyển ngành ngân hàng ở Việt Nam

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA NTBS ĐẾN XK

Cơ sở lý thuyết

Các biện pháp phi thuế quan (NTM - Non Tax Measures) trong thương mại quốc tế không mang tính trung lập đối với các luồng thương mại. Trên thực tế, các biện pháp này sẽ làm tăng chi phí và gây trở ngại đối với XK và khi đó các NTM có thể được coi là NTB. Vì vậy, các rào cản phi thuế quan là những biện pháp, quy định và yêu cầu kỹ thuật mà các quốc gia áp dụng nhằm hạn chế hoặc kiểm soát NK hàng hóa mà không thông qua việc áp dụng thuế suất. NTBs gồm các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn, môi trường, hạn ngạch NK, thủ tục hành chính phức tạp, và các quy định kỹ thuật khác. Mục đích của các rào cản này thường là bảo vệ ngành sản xuất trong nước, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, tuy nhiên, chúng cũng có thể gây khó khăn cho hoạt động thương mại quốc tế khi làm tăng chi phí và thời gian NK. Các rào cản phi thuế quan (NTB) có thể tác động tiêu cực đến hoạt động XK thông qua các cơ chế sau:

Tăng chi phí XK và giảm khả năng cạnh tranh của hàng hóa XK. Các tiêu chuẩn công nghệ xanh mà nước NK đặt ra sẽ dẫn đến chi phí tuân thủ tiêu chuẩn của các công ty nước ngoài thường cao hơn các công ty nội địa, vô hình chung dựng nên một rào cản thương mại. Để đạt được các tiêu chuẩn này sẽ làm tăng chi phí ở cấp độ vi mô (doanh nghiệp) và làm thay đổi giá tương đối của hàng XK theo hướng giảm cạnh tranh quốc tế các sản phẩm của nước XK (Su, Y., 2021). Các chi phí ở cấp độ doanh nghiệp phát sinh do thay đổi trong hệ thống sản xuất, cơ sở hạ tầng, đào tạo, hệ thống quản lý chất lượng, dịch vụ tư vấn, hóa chất nông nghiệp thay thế và chi phí chứng nhận (UN, 2017; Beghin, 2001a). Ngoài ra, cần phải kể đến các chi phí “gián tiếp” (ví dụ: chi phí thay đổi cấu trúc sản phẩm cho phù hợp với quy định về nhãn hiệu của nước NK), chi phí cho rất nhiều các hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá, mua thiết bị, chi phí do sự thiếu minh bạch, những trì hoãn không đáng có, và tính không chắc chắn của các quy trình đánh giá sự phù hợp.

Hạn chế đối với việc tiếp cận thị trường nước NK. Các nước phát triển có lợi thế độc quyền về kinh tế và công nghệ, thông qua luật pháp hoặc các biện pháp không bắt buộc khác để xây dựng một số tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật môi trường khắc nghiệt, điều này làm hạn chế đáng kể khả năng tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp XK, đặc biệt là các doanh nghiệp tại các nước đang phát triển. Các rào cản kỹ thuật nói chung và rào cản xanh đối với thương mại nói riêng sẽ làm giảm khối lượng XK của các nước XK và giảm thị phần của các nước này trên thị trường thế giới. Ở góc độ cực đoan, khi nước NK đưa ra các tiêu chuẩn môi trường hay các quy định liên quan đến môi trường ngày càng cao thì các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất ở trình độ công nghệ thấp hơn buộc phải rời khỏi thị trường do không đáp ứng được yêu cầu và tiêu chuẩn này. Trong trường hợp, các công ty muốn duy trì thị phần trên thị trường, họ phải cải tiến công nghệ và tăng cường đầu tư. Điều này sẽ làm tăng chi phí, tăng giá và giảm khả năng cạnh tranh quốc tế.

Chậm tiến độ giao hàng làm phát sinh chi phí và lỗ các cơ hội kinh doanh. Các NTB thường yêu cầu doanh nghiệp phải hoàn tất một loạt các thủ tục kiểm tra, chứng nhận và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt trước khi hàng hóa được phép lưu hành. Quá trình này không chỉ đòi hỏi thời gian để thực hiện các bước kiểm định mà còn có thể gặp trở ngại do sự khác biệt trong quy định giữa các quốc gia, dẫn đến tình trạng trì hoãn tại các cảng XK. Sự chậm trễ này ảnh hưởng trực tiếp đến việc đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường quốc tế, gây mất điểm tin cậy và làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường toàn cầu.

Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, mặc dù mức độ của các tác động thương mại có thể khác nhau, nhưng phần lớn các kết quả đều khẳng định xu hướng chiếm ưu thế là tác động hạn chế thương mại của các NTM đối với XKNS (Chen, Yang, Findlay, 2008; Grübler và cộng sự, 2016; Ronen và Economy, 2017; Santeramo và Lamonaca, 2019; Su, 2021). Một số nghiên cứu cho thấy tác động bất lợi đáng kể hơn đối với các nước đang phát triển (Disdier, Fontagné, Mimouni, 2008; Ferro và cộng sự, 2015; Grübler và cộng sự, 2016; Li và Beghin, 2012). Ngoài ra, SPS và các biện pháp định lượng áp dụng đối với hàng hóa nông nghiệp có xu hướng gây tác động tiêu cực lớn hơn so với các biện pháp phi thuế quan khác (Grübler và cộng sự, 2016; Ronen và Economy, 2017).

Chen và cộng sự đã sử dụng mô hình trọng lực để đánh giá tác động của các tiêu chuẩn dư lượng đối với XK rau và thủy sản của Trung Quốc. Kết quả cho thấy, các biện pháp do các nước NK áp đặt gây tổn hại cho hoạt động XK nông sản của Trung Quốc. Tác động thương mại của các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quan trọng hơn nhiều so với thuế NK (Chen và cộng sự, 2008). Santeramo và cộng sự đánh giá tác động của các quy định và tiêu chuẩn SPS và TBT ước tính đối với XK trái cây tươi của Chi-lê. Kết quả cho thấy rằng sự gia tăng mức độ tiêu chuẩn đối với các sản phẩm trái cây của đối tác có tác động tiêu cực và đáng kể đến khối lượng XK của Chi-lê (Santeramo & Lamonaca, 2019). Yang Su đánh giá tác động của các rào cản thương mại xanh đối với XK nông sản của Trung Quốc. Kết quả thực nghiệm cho thấy việc thực hiện các rào cản thương mại xanh làm giảm số lượng XK nông sản và tăng giá bán ra nước ngoài. Trong dài hạn, thực hiện cản trở thương mại xanh sẽ thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ, tăng XK nông sản và mở rộng thị trường đa dạng (Su, 2021). Wood và cộng sự phân tích tác động của SPS đối với XK nông sản của New Zealand, Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản sang Trung Quốc. Các phát hiện chính từ nghiên cứu này cho thấy các biện pháp SPS của Trung Quốc có tác động tiêu cực, mặc dù không đáng kể, đối với toàn bộ mẫu phân tích. Các biện pháp SPS có tác động tiêu cực đến Nhật Bản và Hoa Kỳ, trong khi từ góc độ Hàn Quốc, tác động của chúng là tích cực và đáng kể. Phát hiện của nghiên cứu

còn cho thấy các biện pháp SPS có tác động tích cực đến XK của New Zealand trước khi các hiệp định thương mại tự do (FTA) với Trung Quốc có hiệu lực (Wood, Wu, Li, Jang, 2017).

Julia Grübler và cộng sự (2016) xem xét tác động của các biện pháp phi thuế quan đối với hàng NK của 103 quốc gia thành viên WTO từ 2002-2011. Nghiên cứu áp dụng mô hình GM để ước lượng mức độ tác động của từng loại hình phi thuế quan và so sánh tác động của các hình thức phi thuế quan xem có sự khác biệt giữa sản phẩm trung gian và hàng hóa cuối cùng hay không. Kết quả cho thấy NTM thúc đẩy thương mại các sản phẩm công nghiệp trong khi hạn chế thương mại các sản phẩm nông nghiệp. Các nước giàu áp dụng nhiều biện pháp phi thuế quan hơn các nước nghèo hơn và các nước phát triển bị ảnh hưởng bởi các biện pháp phi thuế quan nhỏ hơn các nước đang phát triển. Kết quả cũng cho thấy các biện pháp hạn chế định lượng có tác động hạn chế thương mại rõ rệt hơn so với các biện pháp phi thuế quan khác. Jacob và cộng sự (2017) nghiên cứu về ảnh hưởng của các biện pháp TBT và SPS đến XK hàng hóa của Nhật bản và Hàn Quốc vào thị trường Trung Quốc. Theo kết quả nghiên cứu, các biện pháp TBT của Trung Quốc có tác động làm hạn chế XK hàng công nghiệp của Nhật Bản và Hàn quốc vào thị trường này.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và so sánh để phân tích, đánh giá thực trạng XKNS của Việt Nam giai đoạn 2019-2023 dựa trên số liệu từ trang web của WTO (www.trademap.org). Nghiên cứu định tính phân tích rõ tác động của các NTB đối với XKNS của Việt Nam. Phương pháp phân tích suy luận được sử dụng để làm rõ tác động của NTB đến XKNS và những thách thức đối với XKNS của Việt Nam. Ngoài ra, nghiên cứu còn sử dụng phương pháp phân tích đề xuất nhằm tìm ra các ý tưởng, hành động cần thiết (dựa trên các kết quả của thống kê mô tả, suy luận) để đề xuất các giải pháp để thúc đẩy XKNS của Việt Nam trong bối cảnh gia tăng các NTB.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực trạng XK hàng nông sản của Việt Nam

Về quy mô hàng nông sản XK

Giai đoạn 2019-2023, XK nông sản của Việt Nam ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực, đặc biệt là trong năm 2023. Tổng kim ngạch XK nông sản tăng từ 11,98 tỷ USD năm 2019 lên 16,69 tỷ USD năm 2023, cho thấy sự mở rộng đáng kể của thị trường nông sản Việt Nam (Bảng).

Bảng: Giá trị XK nông sản của Việt Nam (2019-2023)

Đơn vị: tỷ USD

Nhóm sản phẩm	Mã HS	2019	2020	2021	2022	2023
Rau và 1 số loại thân củ	HS 07	0,37	0,41	0,49	0,47	0,51
Quả và hạt	HS 08	5,71	5,09	5,50	4,62	7,02
Cà phê, chè	HS 09	3,40	3,17	3,72	4,52	4,65
Ngũ cốc	HS 10	2,50	2,93	3,10	3,26	4,51
	Tổng	11,98	11,60	12,81	12,87	16,69

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả dựa vào số liệu từ trang web của WTO: www.trademap.org.

Bảng 1 cũng cho thấy, sự thay đổi về kim ngạch XK khác nhau ở các nhóm sản phẩm. Cụ thể như sau:

Nhóm Rau và một số loại thân củ (HS 07). Mặc dù giá trị XK nhóm này không lớn so với các nhóm khác, nhưng vẫn duy trì xu hướng tăng nhẹ qua các năm. Từ 0,37 tỷ USD năm 2019, XK nhóm này đạt 0,51 tỷ USD vào năm 2023, cho thấy sự ổn định và phát triển dần dần.

Nhóm Quả và hạt (HS 08) có sự biến động mạnh nhất về kim ngạch XK. Theo đó, XK đạt 5,71 tỷ USD vào năm 2019, giảm xuống 4,62 tỷ USD vào năm 2022, trước khi phục hồi mạnh lên 7,02 tỷ USD vào năm 2023, ghi nhận mức tăng trưởng đột phá. Điều này phản ánh sự phụ thuộc vào yếu tố thị trường và giá cả quốc tế đối với mặt hàng này.

XK của nhóm sản phẩm Cà phê, chè (HS 09) có xu hướng tăng ổn định, từ 3,40 tỷ USD năm 2019 lên 4,65 tỷ USD năm 2023, với mức tăng mạnh nhất trong giai đoạn 2021-2022. Đây là nhóm sản phẩm có thị trường tiêu thụ bền vững và tiếp tục mở rộng nhờ chất lượng sản phẩm được cải thiện.

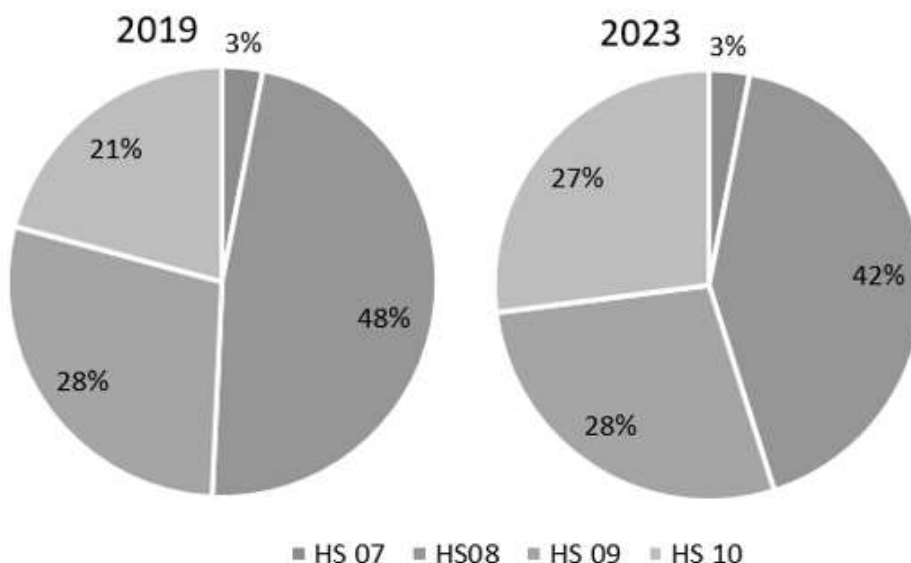
XK ngũ cốc (HS10) ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể, từ 2,50 tỷ USD năm 2019 lên 4,51 tỷ USD năm 2023. Đặc biệt, trong hai năm 2022-2023, tốc độ tăng trưởng tăng nhanh, phản ánh nhu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế đối với mặt hàng này.

Như vậy, XK nông sản Việt Nam trong giai đoạn 2019-2023 có sự tăng trưởng ấn tượng. Nhóm quả và hạt (HS 08) và ngũ cốc (HS 10) là hai động lực chính thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2023. Trong khi đó, cà phê, chè (HS 09) duy trì mức tăng trưởng ổn định, còn rau và một số loại thân củ (HS 07) có mức tăng chậm nhưng bền vững.

Về cơ cấu hàng NSXK

Hình cho thấy, cơ cấu XK nông sản của Việt Nam tập trung chủ yếu vào 4 nhóm sản phẩm chính. Trong đó, nhóm quả và hạt (HS 08) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch, khẳng định vai trò chủ lực của mặt hàng này trong XK nông sản. Tiếp theo là nhóm cà phê, chè (HS 09) với tỷ trọng đáng kể, cho thấy sự ổn định của thị trường tiêu thụ và vị thế vững chắc của Việt Nam trong ngành hàng này. Nhóm ngũ cốc (HS 10) cũng đóng góp quan trọng và ngày càng gia tăng nhờ nhu cầu cao đối với gạo. Trong khi đó, nhóm rau và một số loại thân củ (HS 07) chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng vẫn duy trì ổn định, phản ánh sự phát triển bền vững của phân khúc này. Cơ cấu XK nông sản cho thấy sự đa dạng hóa mặt hàng, tận dụng lợi thế của từng nhóm sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường quốc tế.

Hình: Cơ cấu XK hàng nông sản của Việt Nam



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả dựa vào số liệu từ trang web của WTO: www.trademap.org.

Giai đoạn 2019-2023, cơ cấu XK nông sản của Việt Nam có sự thay đổi rõ rệt. Nhóm quả và hạt (HS 08) vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất nhưng giảm từ 48% xuống 42%, phản ánh sự phân tán nguồn lực sang các nhóm sản phẩm khác. Trong khi đó, nhóm ngũ cốc (HS 10) ghi nhận mức tăng đáng kể từ 21% lên 27%, cho thấy nhu cầu gia tăng đối với mặt hàng này, đặc biệt là gạo. Cà phê, chè (HS 09) giữ nguyên tỷ trọng 28%, thể hiện sự ổn định của thị trường XK nhóm sản phẩm này. Nhóm rau và một số loại thân củ (HS 07) duy trì mức 3%, cho thấy chưa có sự thay đổi đáng kể về đóng góp trong tổng kim ngạch XK nông sản. Nhìn chung, xu hướng thay đổi cơ cấu phản ánh sự mở rộng thị trường và nhu cầu đa dạng hơn đối với các mặt hàng nông sản của Việt Nam, với sự trỗi dậy mạnh mẽ của ngũ cốc trong bối cảnh thị trường quốc tế có nhiều biến động.

Về thị trường XK

Nhìn chung, XK nông sản Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào một số thị trường lớn, như: Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan và khu vực Đông Nam Á. Thị trường XK nông sản của Việt Nam có sự phân hóa rõ rệt theo từng nhóm sản phẩm (Hình 2). Cụ thể như sau:

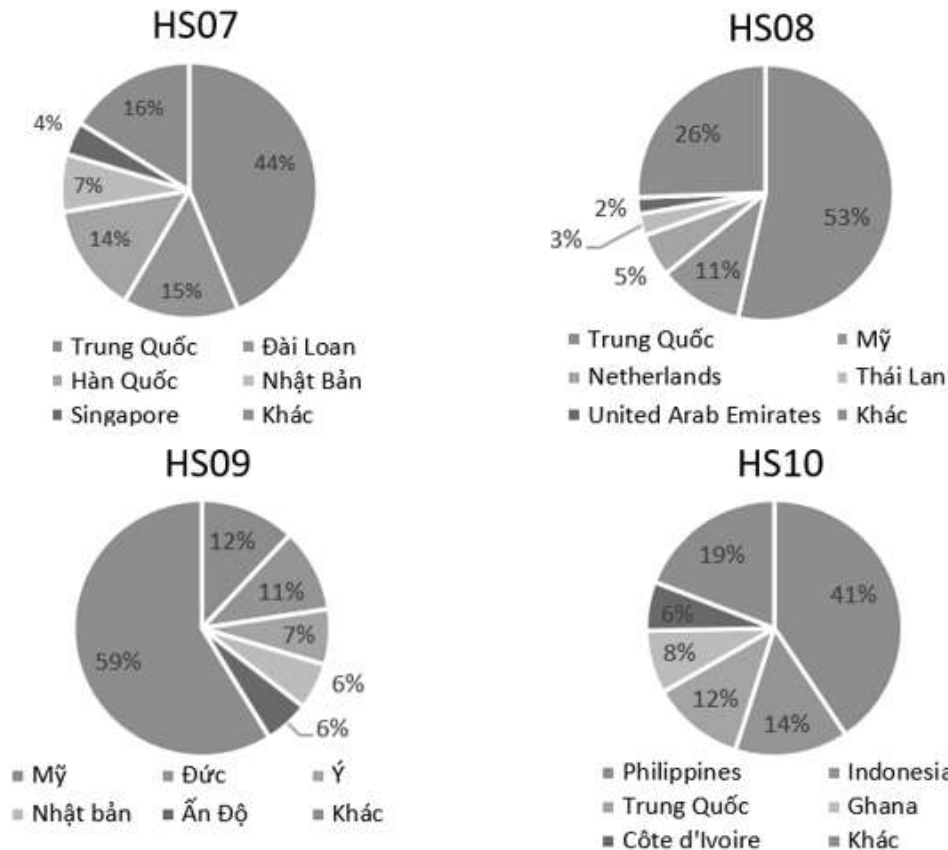
- Nhóm rau và một số loại thân củ (HS 07): Thị trường XK chủ yếu là Đài Loan (44%), tiếp theo là Trung Quốc (16%). Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore chiếm tỷ trọng nhỏ hơn. Điều này cho thấy sự phụ thuộc lớn vào thị trường Đài Loan và Trung Quốc, trong khi các thị trường khác chỉ đóng vai trò bổ trợ.

- Nhóm quả và hạt (HS 08): Mỹ là thị trường tiêu thụ lớn nhất, chiếm 53%, tiếp theo là Trung Quốc (26%). Các nước khác như Thái Lan, Hà Lan và UAE có tỷ trọng nhỏ hơn. Việc XK chủ yếu sang Mỹ và Trung Quốc phản ánh nhu cầu cao từ hai nền kinh tế này đối với nông sản Việt Nam.

- Nhóm cà phê, chè (HS 09): Mỹ vẫn là thị trường lớn nhất với 59%, tiếp đến là Nhật Bản (12%), Đức, Ấn Độ và Ý chiếm tỷ lệ nhỏ hơn. Điều này cho thấy cà phê, chè Việt Nam có sức hút mạnh mẽ tại Mỹ, trong khi châu Âu và châu Á cũng là các thị trường tiềm năng nhưng chưa chiếm tỷ trọng lớn.

- Nhóm ngũ cốc (HS 10): XK ngũ cốc tập trung mạnh vào Đông Nam Á trong đó Philippines là thị trường tiêu thụ lớn nhất với 41%, tiếp theo là Indonesia (14%), Trung Quốc, Ghana và một số thị trường khác.

Hình 2: Cơ cấu thị trường XKNS của Việt Nam (năm 2023)



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả dựa vào số liệu từ trang web của WTO: www.trademap.org.

Phân tích ảnh hưởng của NTB đến XK nông sản của Việt Nam

Xét ở góc độ là một rào cản đối với XK, khi các nước đối tác áp dụng thêm một NTB sẽ làm phát sinh chi phí đối với hàng XK và ảnh hưởng tiêu cực đến XK của Việt Nam. Lý do được đưa ra như sau:

Thứ nhất, các biện pháp NTB đóng vai trò như rào cản, gây cản trở XKNS từ Việt Nam sang các nước đối tác. Thông qua việc đưa ra các yêu cầu về chất lượng cũng như an toàn vệ sinh dịch tễ, các biện pháp này phần nào đó gây cản trở thương mại dòng hàng hóa giữa Việt Nam và các thị trường được nghiên cứu. Trong những năm gần đây, các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, như: Mỹ, Nhật Bản, EU và các nước và khu vực phát triển khác đã lợi dụng những sơ hở trong các điều khoản về bảo vệ môi trường của hiệp định WTO để hạn chế XK các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam bằng cách tăng các mặt hàng thử nghiệm và nâng cấp tiêu chuẩn kiểm dịch. Các quy định về môi trường đã tạo ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp XK hàng nông sản ở Việt Nam vì nhiều doanh nghiệp không có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường để đáp ứng các yêu cầu xanh của nước NK. Hiện tại, quy trình sản xuất nông nghiệp, tiêu chuẩn chất lượng và công nghệ đóng gói của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu của các nước phát triển. Đồng thời, ở góc độ người sản xuất, trình độ công nghệ và nhận thức của người nông dân về các điều kiện liên quan đến môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy suất nguồn gốc... chưa đầy đủ nên nhiều sản phẩm nông sản XK của chúng ta đã bị các đối tác NK từ chối.

Thứ hai, các NTB làm tăng chi phí XK và làm suy yếu khả năng cạnh tranh quốc tế của các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam. Nhiều bài kiểm tra để đảm bảo hàng nông sản XN đáp ứng được tiêu chí XK cũng rất tốn kém và do đó làm cho giá thành sản phẩm tăng lên đáng kể. Chẳng hạn với tiêu chuẩn ISO 14001, để sản phẩm XK có được chứng chỉ này tốn rất nhiều thời gian và chi phí. Chi phí để thực hiện có thể lên tới hàng trăm triệu đồng, tùy thuộc vào quy mô, phương thức sản xuất và chi phí nhân công. Do hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đều có quy mô vừa và nhỏ, chi phí có thể trở thành gánh nặng lớn đối với họ. Trong khi đó, các tiêu chuẩn kỹ thuật liên tục thay đổi, do đó các DN XK của Việt Nam phải đánh giá lại các sản phẩm nông nghiệp, mua thiết bị kiểm dịch và họ cũng phải trả phí cao để có được thẻ xanh chứng nhận, điều chỉnh bao bì, nhãn mác sản phẩm Chính những chi phí phát sinh này đã làm tăng gánh nặng cho doanh nghiệp và mất lợi thế cạnh tranh về giá trên thị trường quốc tế. Ví dụ, Nhật Bản thực hiện kiểm tra nghiêm ngặt đối với các sản phẩm nông

ng nghiệp của Việt Nam và Hoa Kỳ tăng hàng rào kỹ thuật xanh đối với hàng hóa Việt Nam mà không có bất kỳ cuộc đàm phán nào trước.

Thứ ba, với những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, các quốc gia có xu hướng gia tăng bảo hộ sản xuất trong nước. Nhiều đối tác của Việt Nam, đặc biệt là các nước phát triển liên tục cập nhật và tăng cường áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch đối với các mặt hàng nông sản NK bao gồm thức ăn và các sản phẩm thực vật. Đồng thời, tăng cường áp dụng các tiêu chí mới về chứng nhận liên quan tới bảo vệ môi trường và pháp triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội.

Nhiều sản phẩm nông nghiệp không đáp ứng được mức thuốc bảo vệ thực vật tối đa của nước NK. Thực trạng này có nguyên nhân từ việc các nhà sản xuất không tuân thủ quy trình sử dụng hóa chất, sản phẩm thu mua không đạt yêu cầu về thời gian cách ly, sử dụng chất không có trong danh mục hóa chất cho phép và sử dụng thuốc không rõ nguồn gốc. Chẳng hạn với thị trường EU, theo hướng dẫn 79/117/EEC của EC, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật được phép tồn dư trên sản phẩm NK vào EU rất thấp, gần như bằng 0. Nếu EU phát hiện có bất cứ một chất cấm nào tồn dư trong mẫu sản phẩm NK, lô hàng đó sẽ bị từ chối và tiêu hủy, nhà cung cấp (XK) sẽ phải chịu toàn bộ chi phí tiêu hủy, thậm chí có thể bị truy tố và bị áp lệnh cấm XK sản phẩm đó vào EU trong thời gian chờ đợi cơ quan có thẩm quyền của EU tiến hành điều tra và xử lý.

Do tác động của các NTB, đà tăng trưởng XK của các mặt hàng nông sản đã chậm lại rõ ràng trong những năm gần đây. Ngoài ra, một số quốc gia phát triển trong đó có EU áp đặt thuế đối kháng xanh đối với hàng hóa nông nghiệp của Việt Nam, thực tế là thương mại xanh không công bằng và gây thiệt hại nghiêm trọng cho các giao dịch quốc tế của các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam trên thị trường thế giới. Các sản phẩm nông sản XK cũng cần đạt các chứng chỉ và sẽ rất tốn kém cho các doanh nghiệp để có được EUREP GAP hoặc Global GAP: khoảng 5.000-7.000 USD/mỗi chứng chỉ. Với mức chi phí này, giá hàng nông sản sẽ tăng lên đáng kể, làm giảm khả năng cạnh tranh về giá của hàng nông sản XK của Việt Nam sang thị trường EU. Tại Việt Nam, chỉ có 3000 công ty được cấp các chứng chỉ quốc tế, như: ISO, HACCP, SA 8000. Các công ty này chỉ chiếm 1,5% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động. Mặc dù các chứng chỉ này không phải là yêu cầu bắt buộc để vào thị trường EU, nhưng nếu không có chúng, các doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là trong việc kiểm định chất lượng sản phẩm của họ. Trong trường hợp này, các rào cản xanh thực sự là gánh nặng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, có trình độ công nghệ thấp, thiếu vốn để áp dụng hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Các quốc gia và vùng XK nông sản chính của nước ta đang đòi hỏi rất cao về tiêu chuẩn môi trường, điều này đã hạn chế nghiêm trọng tốc độ tăng trưởng XK nông sản của nước ta. Các nhóm sản phẩm tiềm năng như rau củ, gạo và đồ ăn liền chưa đạt được mức độ sản lượng cần thiết của các chuỗi siêu thị lớn tại các thị trường lớn như EU, Mỹ, Úc, Nhật Bản,...

Những thách thức đối với XKNS của Việt Nam khi có sự gia tăng của các NTB

Các rào cản phi thuế quan đang tạo ra nhiều thách thức lớn cho XK nông sản Việt Nam, trong đó các thách thức chủ yếu đến từ các nguyên nhân sau:

Một là, các yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm và kiểm dịch ngày càng khắt khe hơn. Các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc áp dụng những tiêu chuẩn rất nghiêm ngặt đối với nông sản NK, đặc biệt là các quy định về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, chất lượng vi sinh và hóa chất trong thực phẩm. Trong khi đó, hệ thống sản xuất nông nghiệp của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế như sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy trình, thiếu kiểm soát trong chuỗi cung ứng và chưa đồng bộ trong công tác giám sát chất lượng. Điều này khiến nhiều lô hàng nông sản XK bị từ chối hoặc bị áp dụng các biện pháp kiểm tra gắt gao, làm gia tăng chi phí cho doanh nghiệp.

Hai là, các quy định và chính sách của các nước NK có sự thay đổi thường xuyên. Các nước NK thường xuyên thay đổi các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định kiểm dịch và thủ tục NK nhằm bảo vệ sản xuất nội địa hoặc nâng cao mức độ an toàn thực phẩm. Việc thiếu thông tin cập nhật kịp thời khiến nhiều doanh nghiệp XK Việt Nam không theo kịp yêu cầu mới, dẫn đến việc hàng hóa bị chậm thông quan, bị kiểm tra gắt gao hoặc thậm chí bị cấm NK. Đây là một thách thức lớn đòi hỏi doanh nghiệp phải có hệ thống theo dõi và điều chỉnh sản xuất linh hoạt để thích ứng với những thay đổi từ thị trường.

Ba là, khó khăn trong đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững và bảo vệ môi trường. Nhiều quốc gia đang áp dụng các quy định liên quan đến phát triển bền vững, như yêu cầu về sản xuất thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí carbon, bảo vệ đa dạng sinh học và sử dụng tài nguyên bền vững. Trong khi đó, mô hình sản xuất nông nghiệp của Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên, phương thức canh tác còn lạc hậu và chưa có chiến lược bài bản để đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững. Điều này khiến nhiều sản phẩm nông sản Việt Nam gặp khó khăn trong việc tiếp cận các thị trường đòi hỏi cao về trách nhiệm môi trường và xã hội.

Việc đáp ứng các quy định về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và chứng nhận chất lượng đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư lớn vào công nghệ, cơ sở hạ tầng và quy trình sản xuất. Ngoài ra, chi phí cho việc kiểm định, xin giấy chứng nhận và thực hiện các thủ tục hải quan cũng làm tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng nông sản Việt Nam. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chi phí này có thể trở thành rào cản lớn, hạn chế khả năng mở rộng thị trường XK.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY XK NÔNG SẢN CỦA VIỆT NAM

XK nông sản của Việt Nam ngày càng chịu tác động mạnh từ các NTB do các nước NK đặt ra, đặc biệt là các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Để vượt qua những thách thức này và thúc đẩy XK trong thời gian tới, Việt Nam cần triển khai đồng bộ những giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn đối với NSXK. Một trong những yêu cầu quan trọng nhất từ các thị trường NK là sản phẩm nông sản phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng và an toàn thực phẩm. Vì vậy, Việt Nam cần tập trung vào việc áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến như GlobalGAP, VietGAP, HACCP, ISO, và các chứng nhận hữu cơ (Organic) để đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sản xuất, chế biến và bảo quản để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch và kéo dài thời gian bảo quản, từ đó gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thứ hai, cần tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật. Nhiều thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản có những quy định nghiêm ngặt về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm đối với nông sản NK. Để đáp ứng các tiêu chuẩn này, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống giám sát và kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, vi sinh vật gây hại trong sản phẩm nông sản. Ngoài ra, doanh nghiệp cần chủ động cập nhật các quy định mới từ thị trường NK và hợp tác với các tổ chức kiểm định quốc tế để đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu ngay từ khâu sản xuất. Việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc chặt chẽ cũng rất quan trọng để đảm bảo tính minh bạch và đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng nước ngoài.

Thứ ba, đẩy mạnh đàm phán, hợp tác song phương và đa phương. Việt Nam cần chủ động đàm phán với các nước NK nhằm tháo gỡ những NTB không hợp lý, đồng thời tận dụng các hiệp định thương mại tự do (CPTPP, EVFTA, RCEP) để tạo điều kiện thuận lợi cho XK nông sản. Việc thiết lập các kênh đối thoại chính thức giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam và đối tác NK sẽ giúp giải quyết nhanh chóng các vấn đề về kiểm dịch, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục hải quan. Ngoài ra, Việt Nam có thể thúc đẩy hợp tác với các tổ chức quốc tế để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực và thích ứng với các yêu cầu mới từ thị trường.

Thứ tư, đổi mới phương thức XK và nâng cao năng lực logistics. Hiện nay, phần lớn nông sản Việt Nam XK dưới dạng thô, giá trị gia tăng thấp và dễ bị cạnh tranh bởi các quốc gia khác. Vì vậy, cần chuyển dịch từ XK thô sang chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao giá trị và phù hợp hơn với nhu cầu của từng thị trường. Ngoài ra, việc đầu tư vào hệ thống logistics, kho lạnh, bảo quản và vận chuyển hiện đại là rất cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi XK sang các thị trường xa như châu Âu và Bắc Mỹ. Việc xây dựng các trung tâm thu mua, đóng gói và phân phối nông sản tại các cửa khẩu và cảng biển lớn cũng sẽ giúp giảm chi phí trung gian, tăng hiệu quả XK.

Thứ năm, ở góc độ Nhà nước, cần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường và chính sách. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn trong việc tiếp cận và tuân thủ các quy định kỹ thuật của thị trường XK do thiếu thông tin hoặc chưa có sự chuẩn bị đầy đủ. Vì vậy, cần xây dựng hệ thống cung cấp thông tin về các tiêu chuẩn kỹ thuật, chính sách NK của từng thị trường để giúp doanh nghiệp cập nhật kịp thời và có kế hoạch điều chỉnh phù hợp. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng nên có các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về đăng ký chứng nhận, kiểm tra chất lượng sản phẩm và đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao về XK nông sản./.

Tài liệu tham khảo

- Chen, C., Yang, J., Findlay, C. J. R. o. W. E. (2008), Measuring the effect of food safety standards on China's agricultural exports, Institut für Weltwirtschaft (Kiel Institute for the World Economy, 144(1), 83-106.
- Đào, M. X., Loan, N. T. C., Nhung, T. T. L. (2021). Mối quan hệ giữa chương trình hỗ trợ XK, rào cản XK và kết quả hoạt động XKNS của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam vào thị trường ASEAN+ 3, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing, 12, 38-52.
- Doãn Nguyên Minh, Lê Thị Việt Nga (2023), Tác động của biện pháp phi thuế quan đối với một số mặt hàng nông sản, thủy sản XK của Việt Nam, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 1(321).
- Grübler, J., Ghodsi, M., Stehrer, R. J. T. V. I. f. I. E. S. (2016), Assessing the impact of non-tariff measures on imports, retrieved from <https://www.semanticscholar.org/paper/Assessing-the-Impact-of-Non-Tariff-Measures-on-Gr%C3%BCbler-Ghodsi/994afcdb38d293b7bbfafcaf95b2e6341f591916>.
- Jacob Wood, Jie Wu, Yilin Li, Jungsuk Kim (2017), The Impact of TBT and SPS Measures on Japanese and Korean Exports to China, Sustainability, MDPI, Open Access Journal, 11(21), 1-23.
- Li, Y., Beghin, J. C. J. J. o. p. m. (2012). A meta-analysis of estimates of the impact of technical barriers to trade, Elsevier, 34(3), 497-511.
- Nguyễn Đỗ Anh Tuấn (2020), Thúc đẩy XK nông sản bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Tạp chí Cộng sản, số 937, tháng 3/2020.

8. Nguyễn Bích Thủy (2020), Rào cản phi thuế quan đối với XK hàng hóa của Việt Nam, truy cập từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/816734/rao-can-phi-thue-quan-doi-voi-xuat-khau-hang-hoa-cua-viet-nam.aspx>.

9. Ronen, E. J. J. o. E., Economy, P. (2017), Quantifying the trade effects of NTMs: A review of the empirical literature, Journal of Economics and Political Economy, 4(3), 263-274

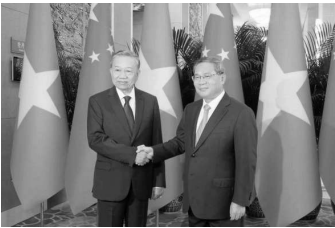
10. Santeramo, F. G., Lamonaca, E. J. J. o. A. E. (2019), The effects of non-tariff measures on agri-food trade: A review and meta-analysis of empirical evidence, MPRA, 70(3), 595-617.

11. Su, Y. (2021), Influence and Countermeasures of Green Trade Barriers on Agricultural Products Export Based on Data Analysis Technology, Paper presented at The International Conference on Cyber Security Intelligence and Analytics.

12. Wood, J., Wu, J., Li, Y., Jang, H. J. S. S. (2017). The economic impact of SPS measures on agricultural exports to China: An empirical analysis using the PPML method, Soc. Sci., 6(2), 51.

Ngày nhận bài: 09/01/2025; Ngày phản biện: 17/01/2025; Ngày duyệt đăng: 20/02/2025

xuất khẩu nông sản rào cản phi thuế quan thúc đẩy xuất khẩu nông sản



Đề nghị Trung Quốc thúc đẩy các dự án đầu tư tại Việt Nam với quy mô lớn, chất lượng cao



Chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của Việt Nam



Xuất khẩu nông sản hậu EVFTA: Thực tiễn và giải pháp

Bình luận

Nội dung bình luận

GỬI



Tin khác



Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số ngành ngân hàng ở Việt Nam

Bài viết khái quát thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng ở Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp toàn diện để thúc đẩy quá trình này, nhằm tạo ra một hệ thống ngân hàng hiện đại, linh hoạt và bền vững.

Nghiên cứu - Trao đổi | 08:38 | 21/03/2025



Thực hành ESG tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức với các doanh nghiệp

Bài viết nhằm đề xuất một số khuyến nghị, định hướng cho DN và các bên liên quan về việc áp dụng ESG nhằm tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức để hướng tới phát triển bền vững trong tương lai.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 01:22 | 21/03/2025



Các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với các công ty Nhật Bản tại Khu chế xuất Tân Thuận TP. Hồ Chí Minh thời kỳ hậu dịch Covid-19

Bài nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với các công ty Nhật Bản tại Khu chế xuất (KCX) Tân Thuận TP. Hồ Chí Minh thời kỳ hậu dịch Covid-19.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 17:00 | 20/03/2025



Hoạt động marketing lan tỏa của các doanh nghiệp F&B tại Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp điển hình thương hiệu Mixue

Nghiên cứu này tìm hiểu vai trò của marketing lan tỏa (viral marketing) trong các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống (F&B) tại Việt Nam, tập trung vào nghiên cứu điển hình của thương hiệu Mixue.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 15:00 | 20/03/2025



Thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong các trường đại học ở Việt Nam

Dựa trên phân tích thực trạng, tác giả đề xuất thực hiện một số giải pháp để tạo điều kiện phát triển tối đa năng lực sinh viên trong phát triển hành vi khởi nghiệp ở các trường đại học.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 08:00 | 20/03/2025



Đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến số hóa quản lý đào tạo tại Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của công nghệ số, số hóa giáo dục đại học trở thành xu thế tất yếu, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, tối ưu hóa quản lý và mở rộng cơ hội học tập.

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 16:11 | 19/03/2025



Ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm thúc đẩy sự sáng tạo và gắn kết của nhân viên để nâng cao hiệu quả công việc: Nghiên cứu tại PV GAS LPG

AI không chỉ là công cụ hỗ trợ tự động hóa quy trình, mà còn có thể tạo ra những cải tiến đột phá trong cách thức làm việc của nhân viên, từ đó gia tăng sự sáng tạo và gắn kết công việc

[Nghiên cứu - Trao đổi](#) | 16:10 | 19/03/2025



Phát triển tín dụng xanh trong các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay

Tín dụng xanh là hướng đi tất yếu của ngành tài chính toàn cầu và ngành ngân hàng Việt Nam nói riêng. Tín dụng xanh đem lại những lợi ích rất lớn trong công cuộc bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

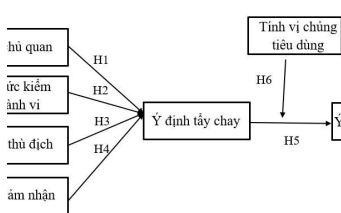
Nghiên cứu - Trao đổi | 16:09 | 19/03/2025



Đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của nỗi sợ bị bỏ lỡ tới ý định khởi nghiệp của sinh viên*

Nghiên cứu này nhằm mục đích xây dựng mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của nỗi sợ bị bỏ lỡ (FOMO) đến ý định khởi nghiệp của sinh viên dưới sự tác động của việc tiếp xúc phương tiện truyền thông xã hội và áp lực đồng trang lứa

Nghiên cứu - Trao đổi | 16:00 | 19/03/2025



Ứng dụng mở rộng mô hình TPB trong việc nghiên cứu ý định tẩy chay: Vai trò điều tiết của tính vị chủng trong ý định mua hàng mỹ phẩm trang điểm

Bài viết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng nội địa (YDM) trong bối cảnh thị trường mỹ phẩm trang điểm tại Việt Nam.

Nghiên cứu - Trao đổi | 16:00 | 19/03/2025



Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Giao thông Vận tải

Nghiên cứu nhằm làm rõ các nhân tố tác động đến Động lực tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Giao thông Vận tải, qua đó, đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm thu hút sinh viên của Trường tích cực tham gia các hoạt động tình...

Nghiên cứu - Trao đổi | 16:00 | 19/03/2025



Giải pháp phát triển du lịch văn hóa tỉnh Cà Mau

Tỉnh Cà Mau - vùng đất cực Nam của Tổ quốc, sở hữu nguồn tài nguyên du lịch văn hóa với hệ thống di tích, lễ hội, làng nghề và ẩm thực đặc sắc đã tạo nên nguồn lực phong phú, chứa đựng nhiều tiềm năng du lịch với các tuyến, điểm và hình thức đa...

Nghiên cứu - Trao đổi | 12:04 | 19/03/2025

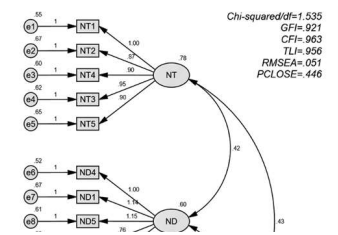


Giải pháp phát triển sản phẩm du lịch team building tại Công ty TNHH Du lịch Khanh đến năm 2030

Trong bối cảnh du lịch đang phát triển mạnh mẽ, du lịch team building đã trở thành một xu hướng được nhiều doanh nghiệp quan tâm. Hoạt động này không chỉ giúp nâng cao tinh thần đoàn kết trong đội ngũ nhân viên, mà còn tạo ra những trải...

Nghiên cứu - Trao đổi | 12:00 | 19/03/2025

Tác động của mức độ quen thuộc đến niềm tin vào thuật toán và vai trò trung gian của nhận định phê phán về thuật toán trên sàn thương mại điện tử



Nghiên cứu này nhằm làm rõ tác động của mức độ quen thuộc đến niềm tin vào thuật toán, đồng thời kiểm định vai trò trung gian của nhận định phê phán trên sàn thương mại điện tử.

Nghiên cứu - Trao đổi | 09:00 | 19/03/2025



Năng lực quản trị của các cơ sở sản xuất tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP ở tỉnh Quảng Ninh

Bài viết phân tích thực trạng năng lực quản trị của các cơ sở sản xuất tham gia chương trình OCOP (Chương trình Mỗi xã một sản phẩm) tại tỉnh Quảng Ninh, nhằm đánh giá vai trò của các cơ sở sản xuất trong phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng...

Nghiên cứu - Trao đổi | 08:00 | 19/03/2025



Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

Sinh viên là nguồn lực lao động trẻ, có tri thức, nhiệt huyết, nhạy bén với xu thế và công nghệ mới, do đó, đây chính là đối tượng nguồn để chuyển từ ý tưởng sang hành động khởi nghiệp. Tuy nhiên, đối tượng sinh viên với hoạt động khởi nghiệp lại thường...

Nghiên cứu - Trao đổi | 00:00 | 19/03/2025



Mô hình nhân tố tác động ý định mua căn hộ tầm trung của người tiêu dùng trẻ tại Bình Dương

Nhu cầu căn hộ tầm trung đang tăng mạnh tại các thành phố lớn đang phát triển, do vị trí và môi trường sống tốt hơn.

Nghiên cứu - Trao đổi | 00:00 | 19/03/2025



Tác động của lãnh đạo phục vụ đến hiệu suất công việc của nhân viên: Vai trò trung gian của chia sẻ tri thức

Hiệu suất làm việc của nhân viên là yếu tố quan trọng, có tác động trực tiếp đến khả năng cạnh tranh và sự tồn tại của một tổ chức. Trong môi trường thay đổi nhanh chóng, việc quản lý hiệu suất làm việc của nhân viên một cách hiệu quả, không...

Nghiên cứu - Trao đổi | 18:00 | 18/03/2025



Thực trạng phát triển du lịch trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2023

Bài viết phân tích thực trạng phát triển du lịch tại TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2016-2023, qua đó, đề xuất các giải pháp nhằm giúp Thành phố khai thác tối đa tiềm năng du lịch.

Nghiên cứu - Trao đổi | 18:00 | 18/03/2025

Ảnh hưởng của Động cơ du lịch và Hình ảnh nhận thức đến Ý định quay lại các điểm đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Vai trò của Hình ảnh cảm xúc và Sự hài lòng của du khách

Nghiên cứu này xây dựng khung phân tích về mối quan hệ giữa Động cơ du lịch, Hình ảnh nhận thức và Ý định quay lại các điểm đến vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó xem xét vai trò của Hình ảnh cảm xúc và Sự hài lòng của du khách.



Nghiên cứu - Trao đổi | 18:00 | 18/03/2025

XEM THÊM

Multimedia / Ảnh | Videos



Ngành Kế hoạch và Đầu tư; ngành Tài chính TP. Hải Phòng tổng kết công tác năm 2022



Hội thảo khoa học quốc gia thúc đẩy tăng trưởng xanh hướng tới phát triển bền vững



Diễn đàn dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023 và triển vọng tăng trưởng các ngành kinh tế chính



Diễn đàn "Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023: Kịch bản tăng trưởng triển vọng một số ngành kinh tế chính



Đổi mới sáng tạo: Kết nối chính sách với doanh nghiệp Việt Nam

SỰ KIỆN

CHIẾN LƯỢC - QUY HOẠCH

DỰ BÁO KINH TẾ

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

DOANH NGHIỆP

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

DIỄN ĐÀN KHOA HỌC

QUỐC TẾ

Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Ấn phẩm của Tạp chí Kinh tế - Tài chính
GPXB: 477/GP-BTTTT, do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 26/12/2023
Tổng Biên tập: Phạm Thu Phong
Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn
Chỉ được phát hành lại thông tin từ website này khi có sự đồng ý bằng văn bản của Tạp chí Kinh tế và Dự báo

Tạp chí
**Kinh tế
và Dự báo**
Ấn phẩm & Phát hành Quốc tế Online

Tòa soạn: 162 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên
Hotline: 097.
Liên hệ quảng cáo: 097.
BẢNG GIÁ QUẢNG

Based on MasterCMS Ultimate Edition 2025 v2.9